

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, Văn phòng Bộ (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 3 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
I. Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết				
1	1.002890	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng	Nghị định số 20/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.	Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam
2	1.009438	Phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư		Cục Hàng không Việt Nam
3	1.004711	Chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không
4	1.004709	Đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác		Cục Hàng không Việt Nam
5	1.004706	Đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
6	1.009439	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình		Cục Hàng không Việt Nam
7	1.004724	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay		Cảng vụ hàng không
8	1.004719	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay		Cảng vụ hàng không
9	1.002880	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay		Cảng vụ hàng không
10	1.002897	Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay		Cảng vụ hàng không
11	1.004716	Cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam
12	1.002855	Sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam
13	1.004713	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay		Cục Hàng không Việt Nam
14	1.004682	Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không		Bộ Giao thông vận tải

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
15	1.004674	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không		Bộ Giao thông vận tải
16	1.004698	Cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam
17	1.004696	Cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam
18	1.002840	Cấp bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay		Cục Hàng không Việt Nam
19	1.002845	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam		Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không
20	1.002884	Cấp biên kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay		Cảng vụ hàng không

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng

1.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời người đề nghị, nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng cửa tạm thời cảng hàng không, sân bay;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định phê duyệt dự án cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Thẩm định: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quyết định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam (thẩm định), Bộ Giao thông vận tải (quyết định).
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính: Không có.

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

2. Phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư

2.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay tổ chức lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trong phạm vi ranh giới dự án được cấp có thẩm quyền giao đầu tư và gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, thẩm định, phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến chủ đầu tư dự án. Trường hợp từ chối phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử hồ sơ bản vẽ tổng mặt bằng, bao gồm: thuyết minh bản vẽ tổng mặt bằng và các bản vẽ có liên quan;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử chụp văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư.

2.8. Phí, lệ phí: Không có.

2.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính: Không có.

2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

3. Chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay

3.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam (đối với các phương án quy định tại khoản 3 Điều 50 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP) hoặc Cảng vụ hàng không (đối với các phương án quy định tại khoản 4 Điều 50 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP).

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam hoặc Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến cho chủ đầu tư. Trường hợp từ chối chấp thuận, phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị, nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công kèm phương án điều chỉnh khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, phương án điều chỉnh khai thác hệ thống thiết bị đảm bảo hoạt động bay (nếu có);
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Thỏa thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay với cơ quan, đơn vị liên quan;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy phép xây dựng đối với các công trình thuộc đối tượng phải cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 12 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không; Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không; Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

3.8. Phí, lệ phí: Không có.

3.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

4. Đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác

4.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị đưa công trình, một phần công trình vào khai thác bao gồm các thông tin: vị trí và phạm vi đưa vào sử dụng; thời gian đưa vào sử dụng phù hợp với quy định thông báo tin tức hàng không; các thông số kỹ thuật chính của hạng mục công trình; tuổi thọ công trình;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng và bản sao văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Dự thảo tài liệu khai thác công trình.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác.

4.8. Phí, lệ phí: Không có.

4.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Quyết định về việc đưa công trình/một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác.

4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Mẫu:

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT
NAM**

Số:/QĐ-CHK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày Tháng Năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đưa công trình/một phần công trình thuộc
kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác**

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng
Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ quy
định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;*

*Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP quy định về quản
lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;*

Xét đề nghị của Phòng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đưa công trình/một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác với các nội dung sau:

1. Tên:
2. Vị trí và phạm vi đưa vào sử dụng:
3. Thời gian đưa vào khai thác, sử dụng.....
4. Các thông số kỹ thuật chính của công trình/một phần công trình đưa vào khai thác:
5. Tuổi thọ công trình.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Người khai thác công trình/một phần công trình (ghi rõ tên người khai thác công trình) có trách nhiệm:

- Duy trì hoạt động khai thác công trình/một phần công trình đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan.

- Thông báo các nội dung nêu trên đến các cơ quan, đơn vị liên quan hoạt động tại cảng hàng không (ghi rõ tên cảng hàng không) để phối hợp điều hành hoạt động khai thác đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Cập nhật các thông tin công trình/một phần công trình vào các tài liệu khai thác có liên quan theo quy định.

Điều 4.¹ Cơ quan thông báo tin tức hàng không (ghi rõ tên đơn vị) Có trách nhiệm thông báo tin tức hàng không theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cảng vụ hàng không kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác của công trình/một phần công trình để đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các ông/bà, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Trưởng phòng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

-

- Lưu :

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Áp dụng khi có quy định của pháp luật về thông báo tin tức hàng không đối với kết cấu hạ tầng hàng không đưa vào khai thác.

5. Đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

5.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình xin phép đóng cửa tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: lý do đóng tạm thời; vị trí và phạm vi đóng tạm thời; thời gian đóng tạm thời phù hợp với quy định thông báo tin tức hàng không;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Sơ đồ bản vẽ chi tiết khu vực đóng tạm thời;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Phương án bảo đảm duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

5.8. Phí, lệ phí: Không có.

5.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Quyết định về việc đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

5.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Mẫu:

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT
NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/QĐ-CHK

....., ngày Tháng Năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng
Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ quy
định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;*

*Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ
về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP quy định về
quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;*

Xét đề nghị của Phòng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay với các nội dung sau:

1. Tên:
2. Vị trí và phạm vi đóng tạm thời:
3. Lý do đóng tạm thời:
4. Thời gian đóng tạm thời:.....
5. Phương án đảm bảo duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời và biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Người khai thác công trình (*ghi rõ tên người khai thác công trình*) có trách nhiệm:

- Tuân thủ phương án đảm bảo duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời và biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời, đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong thời gian đóng tạm thời.

- Thông báo các nội dung nêu trên đến các cơ quan, đơn vị liên quan hoạt động tại cảng hàng không (*ghi rõ tên cảng hàng không*) để phối hợp điều hành hoạt động khai thác đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Điều 4.¹ Cơ quan thông báo tin tức hàng không (*ghi rõ tên đơn vị*) có trách nhiệm thông báo tin tức hàng không theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cảng vụ hàng không kiểm tra, giám sát phương án đảm bảo duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời và biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời, đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các ông/bà , Giám đốc Cảng vụ hàng không, Trưởng phòng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

-

- Lưu:.....

CỤC TRƯỞNG

(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Ghi chú:

¹ Áp dụng khi có quy định của pháp luật về thông báo tin tức hàng không đối với kết cấu hạ tầng hàng không đóng cửa tạm thời.

6. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình

6.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ, người khai thác công trình phải tiến hành cập nhật vào các trang tu chỉnh của tài liệu khai thác công trình. Định kỳ một lần trong năm, người khai thác công trình rà soát và trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt lại tài liệu khai thác công trình khi có sự thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác công trình. Người khai thác công trình gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác công trình, phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến người đề nghị. Trường hợp từ chối phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hoặc Công văn phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình.

6.8. Phí, lệ phí: Không có

6.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính: Không có.

6.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

7. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

7.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thẩm định, Cảng vụ hàng không cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; gửi Cục Hàng không Việt Nam kết quả cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay để đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo mẫu;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định thành lập doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay (trường hợp không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử tài liệu xác nhận kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã hoàn thành các thủ tục nghiệm thu theo quy định về đầu tư xây dựng trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Thực hiện thẩm định hồ sơ trong 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quyết định cấp giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thẩm định.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

7.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay:

- Đối với Cảng hàng không quốc tế: 70.000.000đ/lần cấp.
- Đối với Cảng hàng không khác: 40.000.000đ/lần cấp.
- Đối với sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 15.000.000đ/lần cấp.

7.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.
- Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

7.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định

quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Mẫu:

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:
 V/v đề nghị cấp/cấp lại/sửa đổi
 ...

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Kính gửi: Cảng vụ hàng không miền¹....

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cảng vụ hàng không miền¹ cấp/cấp lại/sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại Fax.....

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:

- Quốc tịch: Giới tính:

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

6. Thông tin của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay:

a) Đối với tổ chức:

Mã số đăng ký doanh nghiệp (nếu có):

b) Đối với cá nhân:

- Họ và tên: ngày tháng năm sinh:

- Quốc tịch: Giới tính:

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị³: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị.

Nơi nhận:

-

-

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.

² Công dân Việt Nam cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin quốc tịch, giới tính, ngày cấp, nơi cấp.

³ Đối với đề nghị cấp/cấp lại/sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

Mẫu:

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN ¹ ... ----- Số: /GCNĐK-CVM... ²		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY Cấp lần thứ:			
TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY		TỌA ĐỘ <input type="checkbox"/> Vĩ độ <input type="checkbox"/> Kinh độ	THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ <input type="checkbox"/> Đang xây dựng <input type="checkbox"/> Đã hoàn thành xây dựng
TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI ĐĂNG KÝ:			
MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:			
NĂNG LỰC KHAI THÁC			
CẤP SÂN BAY:			
GHI CHÚ:			
Nơi nhận: -; - Lưu:.....		GIÁM ĐỐC (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)	
Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....			

Ghi chú:¹ Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.² Ghi rõ ký hiệu Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.

8. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay

8.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay đang xây dựng, chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thẩm định, Cảng vụ hàng không cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; gửi Cục Hàng không Việt Nam kết quả cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay để đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo mẫu;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định thành lập doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay (trường hợp không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp);
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay trong trường hợp xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Thực hiện thẩm định hồ sơ trong 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quyết định cấp giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thẩm định.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

8.8. Phí, lệ phí: Không có.

8.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay.
- Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

8.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Mẫu:

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:
 V/v đề nghị cấp/cấp lại/sửa đổi
 ...

..., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG
 KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

Kính gửi: Cảng vụ hàng không miền¹....

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cảng vụ hàng không miền¹ cấp/cấp lại/sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại Fax.....

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:

- Quốc tịch: Giới tính:

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

6. Thông tin của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay:

a) Đối với tổ chức:

Mã số đăng ký doanh nghiệp (nếu có):

b) Đối với cá nhân:

- Họ và tên: ngày tháng năm sinh:

- Quốc tịch: Giới tính:

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị³: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị.

Nơi nhận:

-

-

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.

² Công dân Việt Nam cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin quốc tịch, giới tính, ngày cấp, nơi cấp.

³ Đối với đề nghị cấp/cập lại/sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

Mẫu:

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN ¹ ... ----- Số: /GCNĐK-CVM... ²		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY Cấp lần thứ:			
TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY		TỌA ĐỘ <input type="checkbox"/> Vĩ độ <input type="checkbox"/> Kinh độ	THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ <input type="checkbox"/> Đang xây dựng <input type="checkbox"/> Đã hoàn thành xây dựng
TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI ĐĂNG KÝ:			
MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:			
NĂNG LỰC KHAI THÁC			
CẤP SÂN BAY:			
GHI CHÚ:			
Nơi nhận: -; - Lưu:.....		GIÁM ĐỐC (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)	
Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....			

Ghi chú:¹ Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.² Ghi rõ ký hiệu Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.

9. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

9.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cảng vụ hàng không xem xét quyết định cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị. Trường hợp từ chối cấp lại, Cảng vụ hàng không thông báo bằng văn bản lý do từ chối.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 đơn.

9.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

9.8. Phí, lệ phí: Phí thẩm định 5.000.000đ/lần.

9.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.
- Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

9.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Mẫu:**TÊN DOANH NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm

V/v đề nghị cấp/cấp lại/sửa đổi

...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**Kính gửi: Cảng vụ hàng không miền¹....

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cảng vụ hàng không miền¹ cấp/cấp lại/sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại Fax.....

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:

- Quốc tịch: Giới tính:

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

6. Thông tin của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay:

a) Đối với tổ chức:

Mã số đăng ký doanh nghiệp (nếu có):

b) Đối với cá nhân:

- Họ và tên: ngày tháng năm sinh:

- Quốc tịch: Giới tính:

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị³: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị.

Nơi nhận:

-

-

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.

² Công dân Việt Nam cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin quốc tịch, giới tính, ngày cấp, nơi cấp.

³ Đối với đề nghị cấp/cấp lại/sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

Mẫu:

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN ¹ ... ----- Số: /GCNĐK-CVM... ²		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY Cấp lần thứ:			
TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY		TỌA ĐỘ <input type="checkbox"/> Vĩ độ <input type="checkbox"/> Kinh độ	THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ <input type="checkbox"/> Đang xây dựng <input type="checkbox"/> Đã hoàn thành xây dựng
TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI ĐĂNG KÝ:			
MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:			
NĂNG LỰC KHAI THÁC			
CẤP SÂN BAY:			
GHI CHÚ:			
Nơi nhận: -; - Lưu:.....		GIÁM ĐỐC (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)	
Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....			

Ghi chú:¹ Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.² Ghi rõ ký hiệu Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.

10. Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

10.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không thẩm định việc sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến người đề nghị; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đã cấp. Trường hợp từ chối sửa đổi, Cảng vụ hàng không phải thông báo bằng văn bản lý do từ chối.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo mẫu;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

10.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

10.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay:

- Đối với Cảng hàng không quốc tế: 40.000.000đ/lần cấp.
- Đối với Cảng hàng không khác: 30.000.000đ/lần cấp.
- Đối với sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 5.000.000đ/lần cấp.

10.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

- Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

10.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.**10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Mẫu:

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:
 V/v đề nghị cấp/cấp lại/sửa đổi
 ...

..., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN
 ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

Kính gửi: Cảng vụ hàng không miền¹....

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cảng vụ hàng không miền¹ cấp/cấp lại/sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại Fax.....

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:

- Quốc tịch: Giới tính:

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

6. Thông tin của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay:

a) Đối với tổ chức:

Mã số đăng ký doanh nghiệp (nếu có):

b) Đối với cá nhân:

- Họ và tên: ngày tháng năm sinh:

- Quốc tịch: Giới tính:

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp..... Nơi cấp.....

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị³: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị.

Nơi nhận:

-

-

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.

² Công dân Việt Nam cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin quốc tịch, giới tính, ngày cấp, nơi cấp.

³ Đối với đề nghị cấp/cấp lại/sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký/giấy chứng nhận đăng ký tạm thời: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

Mẫu:

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN ¹ ... ----- Số: /GCNĐK-CVM... ²		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY Cấp lần thứ:			
TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY		TỌA ĐỘ <input type="checkbox"/> Vĩ độ <input type="checkbox"/> Kinh độ	THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ <input type="checkbox"/> Đang xây dựng <input type="checkbox"/> Đã hoàn thành xây dựng
TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI ĐĂNG KÝ:			
MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:			
NĂNG LỰC KHAI THÁC			
CẤP SÂN BAY:			
GHI CHÚ:			
Nơi nhận: -; - Lưu:.....		GIÁM ĐỐC (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)	
Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....			

Ghi chú:¹ Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.² Ghi rõ ký hiệu Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.

11. Cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

11.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức được giao quản lý, khai thác hoặc cho thuê quyền khai thác hoặc được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác các công trình thuộc kết cấu hạ tầng sân bay theo quy định của pháp luật (trừ các công trình do doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay quản lý, khai thác) gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay và thông báo kết quả thẩm định tài liệu khai thác sân bay.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu khai thác sân bay đã hoàn thiện theo văn bản thông báo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay đối với tài liệu khai thác. Trường hợp có sự khác biệt giữa số liệu, nội dung trong tài liệu khai thác sân bay với kết quả kiểm tra thực tế, Cục Hàng không Việt Nam thông báo cho người đề nghị biết và giải trình, bổ sung, hoàn thiện lại tài liệu khai thác sân bay theo kết quả kiểm tra thực tế.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay đối với tài liệu khai thác, Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị. Trường hợp từ chối cấp, Cục Hàng không Việt Nam thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

11.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Dự thảo tài liệu khai thác sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

- Thẩm định: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Kiểm chứng: 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu khai thác sân bay đã hoàn thiện theo văn bản thông báo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam.

- Cấp giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm chứng.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức được giao quản lý, khai thác hoặc cho thuê quyền khai thác hoặc được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác các công trình thuộc kết cấu hạ tầng sân bay theo quy định của pháp luật (trừ các công trình do doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay quản lý, khai thác).

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

11.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

11.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay:

- Đối với Cảng hàng không quốc tế: 110.000.000đồng/lần cấp.
- Đối với Cảng hàng không khác: 40.000.000đồng/lần cấp.
- Đối với Sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 15.000.000đồng/lần cấp.

11.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo mẫu.
- Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

11.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Mẫu:**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm

V/v đề nghị cấp/cấp lại/sửa
đổi ...**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN
KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

Kính gửi: Cảng vụ hàng không miền

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cảng vụ hàng không miền¹ cấp/cấp
lại/sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng
không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên
giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại.....Fax.....

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật¹:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:

- Quốc tịch: Giới tính:.....

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị²: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo
tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).**Nơi nhận:**

-

-

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Công dân Việt Nam cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin quốc tịch, giới tính, ngày cấp, nơi cấp.

² Nội dung đề nghị cấp/cấp lại/sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
Số: /GCNĐK-CHK			
GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY Cấp lần thứ:			
TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY		TỌA ĐỘ	
		Vĩ độ	Kinh độ
TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY			
MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:			
NĂNG LỰC KHAI THÁC:			
CẤP SÂN BAY:			
GHI CHÚ:			
Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....		CỤC TRƯỞNG	
Ngày, tháng, năm hết hiệu lực:/...../.....			

12. Sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

12.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị. Trường hợp từ chối phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

12.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

12.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay:

- Đối với Cảng hàng không quốc tế: 70.000.000đồng/lần cấp.
- Đối với Cảng hàng không khác: 30.000.000đồng/lần cấp.
- Đối với Sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 5.000.000đồng/lần cấp.

12.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

12.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Mẫu:**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm

V/v đề nghị cấp/cấp lại/sửa
đổi ...**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN
KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

Kính gửi: Cảng vụ hàng không miền

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cảng vụ hàng không miền¹ cấp/cấp
lại/sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng
không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên
giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại.....Fax.....

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật¹:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:

- Quốc tịch: Giới tính:.....

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị²: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo
tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).**Nơi nhận:**

-

-

GIÁM ĐỐC*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

¹ Công dân Việt Nam cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin quốc tịch, giới tính, ngày cấp, nơi cấp.

² Nội dung đề nghị cấp/cấp lại/sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
Số: /GCNĐK-CHK			
GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY Cấp lần thứ:			
TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY		TỌA ĐỘ	
		Vĩ độ	Kinh độ
TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY			
MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:			
NĂNG LỰC KHAI THÁC:			
CẤP SÂN BAY:			
GHI CHÚ:			
Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....		CỤC TRƯỞNG	
Ngày, tháng, năm hết hiệu lực:/...../.....			

13. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay

13.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay rà soát định kỳ mỗi năm một lần tài liệu khai thác sân bay hoặc khi được Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay làm ảnh hưởng đến phương thức, quy trình khai thác, Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay.

Trường hợp tài liệu khai thác sân bay không đủ điều kiện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản thông báo kết quả thẩm định và đề nghị người khai thác cảng hàng không, sân bay bổ sung, hoàn thiện lại tài liệu khai thác sân bay.

Trường hợp tài liệu khai thác sân bay đủ điều kiện, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay theo các nội dung sửa đổi, bổ sung của tài liệu khai thác (nếu cần thiết); phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến người đề nghị. Trường hợp từ chối phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

13.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết: 08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người khai thác cảng hàng không, sân bay.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

13.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay.

13.8. Phí, lệ phí: Không có.

13.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

13.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, trang thiết bị trong sân bay, phương án vận hành khai thác tàu bay, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ trong sân bay, Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải tiến hành cập nhật vào các trang tu chỉnh của tài liệu khai thác sân bay.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

14. Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không

14.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

14.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Tài liệu chứng minh về tổ chức bộ máy và danh sách nhân viên đã được cấp giấy phép, chứng chỉ chuyên môn phù hợp;
- Bản chính hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) văn bản xác nhận vốn;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Phương án về trang bị, thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không.

14.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

14.8. Phí, lệ phí: Không có.

14.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.
- Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

14.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Mẫu:

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm

V/v đề nghị cấp/cấp lại Giấy
 phép kinh doanh cảng hàng
 không

TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Bộ Giao thông vận tải cấp/cấp lại Giấy phép
 kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
 hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên
 giao dịch quốc tế):

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại....., fax.....

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật¹:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:

- Giới tính:.....;

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

Nơi nhận:

-

-

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ¹ Công dân cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông
 tin về giới tính, dân tộc, ngày cấp, nơi cấp.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI ----- Số:/GPKDCHK-BGTVT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
<p align="center">GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG Cấp lần</p>	
<p>TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG: </p> <p>SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG </p>	
<p>TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG</p> <p>GHI CHÚ: </p>	
<p align="center">Ngày, tháng, năm cấp: /...../.....</p> <p>Nơi nhận: -; - Lưu:</p>	<p align="center">BỘ TRƯỞNG <i>(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i></p>

15. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không

15.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức đã được cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Bộ Giao thông vận tải và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giao thông vận tải cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp lại Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

- Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy phép và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp không cấp lại Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

15.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo mẫu;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử Các tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức đã được cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

15.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Giao thông vận tải.
- d) Cơ quan phối hợp: Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không.

15.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

15.8. Phí, lệ phí: Không có.

15.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.
- Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

15.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép kinh doanh cảng hàng không được cấp lại trong trường hợp mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung trong giấy phép.

15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Mẫu:

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm

V/v đề nghị cấp/cấp lại Giấy
 phép kinh doanh cảng hàng
 không

TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Bộ Giao thông vận tải cấp/cấp lại Giấy phép
 kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
 hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên
 giao dịch quốc tế):

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện tử:.....

- Điện thoại....., fax.....

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật¹:

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:

- Giới tính:.....;

- Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

Nơi nhận:

-

-

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ¹ Công dân cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông
 tin về giới tính, dân tộc, ngày cấp, nơi cấp.

Mẫu:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI ----- Số:/GPKDCHK-BGTVT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG Cấp lần	
TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG: SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG	
TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG GHI CHÚ:	
Ngày, tháng, năm cấp:/...../..... Nơi nhận: -; - Lưu:	BỘ TRƯỞNG <i>(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>

16. Cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

16.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay đối với trường hợp cấp lần đầu trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch, quyết định cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến tổ chức đề nghị; trường hợp từ chối cấp Giấy phép phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

16.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị theo mẫu;

- Bản khai cá nhân của người đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu dán 01 ảnh màu chân dung kích thước 3 cm x 4 cm (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác) hoặc ảnh màu chân dung kích thước 3 cm x 4 cm được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử). Ảnh chụp không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Bản sao chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết: 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay;
- Nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

16.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

16.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

16.8. Phí, lệ phí:

- Sút hạch lý thuyết - Sút hạch cấp giấy phép lần đầu: 600.000đồng/lần.
- Sút hạch thực hành: 250.000đồng/lần.

16.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị;
- Bản khai cá nhân của người đề nghị cấp Giấy phép.

16.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

16.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định

quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

*Mẫu:***TÊN CƠ QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp/Cấp lại/Bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành
thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế
của cảng hàng không, sân bay**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

1. Tên đầy đủ của tổ chức: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế:

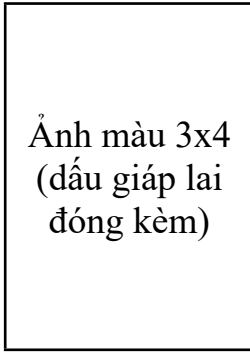
2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Thông tin người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:..... Chức vụ:

4. Thông tin liên hệ: (tên người có trách nhiệm, điện thoại, địa chỉ email)

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại/bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay cho (số lượng:.....) nhân viên của Công ty (*có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo*).**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN***(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN

**Cấp/cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành
thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại
khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay**

Họ và tên (Chữ in hoa có dấu) Giới tính:

.....

Ngày tháng năm sinh: Quốc tịch:

.....

Địa chỉ thường trú:

Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân¹: Ngày cấp:

.....

Cơ quan công tác:

Chứng chỉ chuyên môn:

1. Do cơ sở: Cấp ngày:

.....

2. Do cơ sở: Cấp ngày:

.....

3. Do cơ sở: Cấp ngày:

.....

Điện thoại liên hệ:

Số Giấy phép NVHK đã được cấp (nếu có): Ngày cấp:

Lý do (trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép):

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

Ghi chú: ¹ Công dân cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin về giới tính, quốc tịch, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ thường trú.

17. Cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

17.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày hoặc giấy phép hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép: Trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch, quyết định cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến tổ chức đề nghị; trường hợp từ chối cấp lại Giấy phép phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép bị mất, hỏng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam quyết định cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của Cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến tổ chức đề nghị; trường hợp từ chối cấp lại Giấy phép phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam quyết định cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến người đề nghị; trường hợp từ chối cấp lại Giấy phép phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

17.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày hoặc giấy phép hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị theo mẫu;

+ Bản khai cá nhân của người đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu dán 01 ảnh màu chân dung kích thước 3 cm x 4 cm (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác) hoặc ảnh màu chân dung kích thước 3 cm x 4 cm được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử). Ảnh chụp không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện);

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử Tài liệu chứng minh nhân viên được đào tạo định kỳ hoặc đào tạo phục hồi theo quy định;

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép bị mất, hỏng, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị theo mẫu;

+ 01 ảnh màu chân dung kích thước 3 cm x 4 cm (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác) hoặc ảnh màu chân dung kích thước 3 cm x 4 cm được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử). Ảnh chụp không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Đối với trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị theo mẫu;

+ 01 ảnh màu chân dung kích thước 3 cm x 4 cm (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác) hoặc ảnh màu chân dung kích thước 3 cm x 4 cm được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử). Ảnh chụp không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động của tổ chức sử dụng lao động trước đó, bản sao Hợp đồng lao động của tổ chức tiếp nhận;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy phép được Cục Hàng không Việt Nam cấp còn hiệu lực đối với trường hợp có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

17.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày hoặc giấy phép hết thời hạn hiệu lực của Giấy phép: 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy phép bị mất, hỏng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

17.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay;

- Nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

17.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

17.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

17.8. Phí, lệ phí: 400.000đồng/lần.

17.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm danh sách nhân viên được đề nghị;

- Bản khai cá nhân của người đề nghị cấp Giấy phép.

17.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

17.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

*Mẫu:***TÊN CƠ QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp/Cấp lại/Bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành
thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế
của cảng hàng không, sân bay**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

1. Tên đầy đủ của tổ chức: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

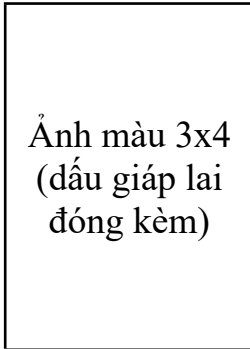
3. Thông tin người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:..... Chức vụ:

4. Thông tin liên hệ: (tên người có trách nhiệm, điện thoại, địa chỉ email)

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại/bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay cho (số lượng:.....) nhân viên của Công ty (có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Cấp/cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành
thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại
khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Họ và tên (Chữ in hoa có dấu) Giới tính:

.....

Ngày tháng năm sinh: Quốc tịch:

.....

Địa chỉ thường trú:

Số chứng minh nhân dân/Số định danh cá nhân¹: Ngày cấp:

.....

Cơ quan công tác:

Chứng chỉ chuyên môn:

1. Do cơ sở: Cấp ngày:

.....

2. Do cơ sở: Cấp ngày:

.....

3. Do cơ sở: Cấp ngày:

.....

Điện thoại liên hệ:

Số Giấy phép NVHK đã được cấp (nếu có): Ngày cấp:

Lý do (trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép):

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

Ghi chú: ¹ Công dân cung cấp số định danh cá nhân không cần kê khai các thông tin về giới tính, quốc tịch, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ thường trú.

18. Thủ tục cấp bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

18.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức đề nghị cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp bổ sung năng định và gửi kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến tổ chức đề nghị; trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

18.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp bổ sung năng định kèm danh sách nhân viên được đề nghị theo mẫu;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện) và 01 ảnh màu chân dung kích thước 3 cm x 4 cm (đối với trường hợp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác) hoặc ảnh màu chân dung kích thước 3 cm x 4 cm được số hóa (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử). Ảnh chụp không quá 06 tháng kể từ ngày chụp tính đến ngày nộp hồ sơ);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

18.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

18.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay;

18.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

18.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

18.8. Phí, lệ phí: 400.000đồng/lần.

18.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

Đơn đề nghị cấp bổ sung năng định kèm danh sách nhân viên được đề nghị.

18.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

18.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Mẫu:**TÊN CƠ QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp/Cấp lại/Bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành
thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế
của cảng hàng không, sân bay**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

1. Tên đầy đủ của tổ chức: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (kê cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Thông tin người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:..... Chức vụ:

4. Thông tin liên hệ: (tên người có trách nhiệm, điện thoại, địa chỉ email)

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại/bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay cho (số lượng:.....) nhân viên của Công ty (có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

19. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam

19.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Người đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không hoặc đến Cục Hàng không Việt Nam.

- Cảng vụ hàng không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật cho các thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam đối với: các thiết bị, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay trong phạm vi quản lý của 01 Cảng vụ hàng không.

- Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật cho các thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam đối với: các thiết bị, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay trong phạm vi quản lý của từ 02 Cảng vụ hàng không trở lên.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không hoặc Cục Hàng không Việt Nam thực hiện các công việc kiểm tra, quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không theo mẫu hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận cho người đề nghị.

19.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Trên môi trường điện tử.
- Hình thức phù hợp khác.

19.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không theo mẫu;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Các tài liệu liên quan: thiết kế kỹ thuật và chi tiết; vật liệu; phương pháp và quy trình sản xuất; hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng; lắp ráp của sản phẩm; chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biên bản nghiệm thu bàn giao hoặc nghiệm thu hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Biên bản kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng do cơ sở kiểm tra, thử nghiệm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Báo cáo kết quả khai thác thử theo các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật của sản phẩm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

19.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

19.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

19.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không hoặc Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không hoặc Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

19.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam.

19.8. Phí, lệ phí:

Phí kiểm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật các phương tiện thiết bị hàng không sản xuất mới đưa vào sử dụng:

- Thiết bị đồng bộ: 30.000.000đồng/lần;

- Thiết bị lẻ, vật tư khác: 5.000.000đồng/lần.

19.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam.

19.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

19.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Mẫu:

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:
 V/v đề nghị cấp

..., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam/Cảng vụ hàng không miền¹.....

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cục Hàng không Việt Nam/Cảng vụ hàng không miền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc:

- Tên người có trách

nhiệm:.....

- Địa chỉ thư tín:.....

- Địa chỉ thư điện

tử:.....

- Điện thoại....., fax.....

4. Nội dung đề nghị:

- Loại sản phẩm (thiết bị, phương tiện):

- Tiêu chuẩn áp dụng:

- Phạm vi hoạt động tại Cảng hàng không

- Thông tin mô tả sản phẩm và các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật

chính:

Nơi nhận:

-

-

—

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ¹ Cảng vụ hàng không có thẩm quyền.

Mẫu:

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT

Số:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không;

Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận sản phẩm dưới đây sản xuất tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện kỹ thuật đưa vào khai thác tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam.

Tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận	
Nhà sản xuất	
Sản phẩm	
Mã hiệu sản phẩm	
Bộ hồ sơ sản phẩm gồm có: Hồ sơ thiết kế Hồ sơ kiểm tra thử nghiệm Hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng Đặc tính kỹ thuật chi tiết	
Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	
Ngày ban hành	

Nơi nhận:

-
-

CỤC TRƯỞNG*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu:

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG
MIỀN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT

Số:.....

Căn cứ quy định tại Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số/..../ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không;

Cảng vụ hàng không miền chứng nhận sản phẩm dưới đây sản xuất tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện kỹ thuật đưa vào khai thác tại cảng hàng không

.....

Tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận	
Nhà sản xuất	
Sản phẩm	
Mã hiệu sản phẩm	
Bộ hồ sơ sản phẩm gồm có: Hồ sơ thiết kế Hồ sơ kiểm tra thử nghiệm Hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng Đặc tính kỹ thuật chi tiết	
Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	
Ngày ban hành	

Nơi nhận:

-

-

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

20. Cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay

20.1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát cho phương tiện hoặc có văn bản thông báo lý do từ chối cấp biển kiểm soát cho phương tiện.

20.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp biển kiểm soát, trong đó nêu rõ nhu cầu sử dụng phương tiện; năm sản xuất, số seri của phương tiện; phương tiện đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường đối với phương tiện chuyên ngành có quy định phải chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

20.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

20.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không .

20.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

20.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không.

20.8. Phí, lệ phí: Không có.

20.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai, kết quả thủ tục hành chính: Không có.

20.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cảng vụ hàng không không cấp biển kiểm soát của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay cho phương tiện có tham gia giao thông thường xuyên ngoài khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

20.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.